

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-4-2024

V/v tranh chấp Ly hôn giữa
chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn.

Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Văn Ôn và ông Bùi Văn Quyết.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình tham gia phiên tòa:** Ông Lê Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2024 về việc Tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: xóm C, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn T, sinh năm 1978. Địa chỉ: xóm C, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày: chị và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình ngày 25/12/2003. Cuộc sống chung vợ chồng sau khi kết hôn có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh từ năm 2011, nguyên nhân do anh Bùi Văn T chơi cờ bạc, lơ đãng dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau về tiền bạc. Chị H đã từng có ý định ly hôn nhưng được khuyên can và thương các con còn nhỏ nên lại thôi. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng vẫn không hàn gắn được mà còn trầm trọng thêm; anh T chơi cờ bạc nhiều hơn, không có trách nhiệm với gia đình, đi làm ăn xa về lại uống rượu, đập phá đồ đạc, chửi mắng vợ và bạo lực tình dục nhiều

lần. Anh T cầm cố tài sản chị Huân phải đi trả nợ nên vợ chồng lại cãi vã nhau. Chị H tiếp tục có ý định ly hôn nhưng được chính quyền địa phương và gia đình khuyên can nên chị lại bỏ ý định ly hôn, tha thứ cho anh T nhưng anh T không thay đổi mà ngày càng tiếp tục chơi lô đề, cờ bạc và nghiện rượu hơn. Hiện nay anh T đi làm ăn xa một tháng về một đến hai lần nhưng lần nào về cũng gây sự đập phá. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa. Nay chị Bùi Thị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn T. Về con chung: chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T có 02 con chung là cháu Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 09/11/2004 và cháu Bùi Tuấn D, sinh ngày 09/5/2008. Khi ly hôn chị H xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung và chưa có yêu cầu anh Bùi Văn T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về tài sản chung, chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chị Bùi Thị H khai không có.

Về phía anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh Bùi Văn T thể hiện anh Bùi Văn T có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú cùng chị Bùi Thị H nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, không ở một địa chỉ ổn định nên không lấy được ý kiến của anh Bùi Văn T. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Kết quả Tòa án xác minh, thể hiện: chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T có mâu thuẫn và đã rất trầm trọng; anh Bùi Văn T thường xuyên đi làm ăn xa không rõ tại đâu, thi thoảng mới về, không còn quan tâm đến vợ con, mỗi lần về lại gây sự, uống rượu say và đánh mắng vợ con. Về con chung, tài sản và nợ chung đúng như chị Bùi Thị H đã khai.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Bùi Tuấn D vì cháu D đã trên 7 tuổi theo quy định của pháp luật, thể hiện cháu Bùi Tuấn D có mong muốn được ở với mẹ là chị Bùi Thị H. Đối với cháu Bùi Thị Diệu L đã trên 18 tuổi, không mất năng lực hành vi dân sự.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về ly hôn, quyền và nghĩa vụ nuôi con chung sau ly hôn.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T có mâu thuẫn trầm trọng; không còn tình cảm vợ chồng; mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn. Về con chung hiện các cháu Bùi Thị Diệu L và cháu Bùi Tuấn D đang sinh sống

ôn định với chị Bùi Thị H còn anh Bùi Văn T thường xuyên làm ăn xa nhà, thường xuyên nghiện rượu, không đủ điều kiện nuôi con nên cần giao cháu Bùi Tuấn D cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Đối với con chung là Bùi Thị Diệu L đã thành niên không đề nghị không đề cập việc nuôi dưỡng sau ly hôn. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Văn T không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Bùi Văn T đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp; có đăng ký nhân khẩu thường trú cùng chị Bùi Thị H nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Bùi Văn T. Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất nhưng vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền*: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn là anh Bùi Văn T có nơi cư trú tại xóm C, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

[3] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được xác minh thể hiện vợ chồng chị H, anh T trong cuộc sống bất đồng với nhau về quan điểm, tính cách và lối sống; anh T đi làm ăn ở một nơi, không còn quan tâm gì đến vợ con, gia đình, bỏ mặc sống thế nào cùng được, mỗi lần anh T về nhà thường uống rượu say cãi vã, đánh đập vợ con, bạo lực tình dục. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và cần chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Xác nhận chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T có 02 con chung là cháu Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 09/11/2004 và cháu Bùi Tuấn D, sinh ngày 09/5/2008.

Khi ly hôn, chị Bùi Thị H nhận trực tiếp nuôi cả hai con chung. Xét cháu Bùi Thị Diệu L đã trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng. Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T chỉ phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Tuấn D. Về điều kiện nuôi con của cả hai bên thấy rằng: phía chị H có công việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định còn phía anh T hiện thường xuyên không sinh sống tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, không có chỗ ở ổn định, nghiện rượu. Thực tế việc nuôi con do chị Bùi Thị H thực hiện và con chung của chị H, anh T đang sinh sống ổn định. Nguyên vọng của cháu Bùi Tuấn D mong muốn được ở với mẹ là chị Bùi Thị H. Do vậy, vì quyền lợi mọi mặt của trẻ em, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Bùi Tuấn D cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp tình, hợp lý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng phía chị Bùi Thị H chưa có yêu cầu anh Bùi Văn T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là ý kiến tự nguyện của chị Bùi Thị H và không ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị H nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Bùi Thị H vẫn có quyền yêu cầu anh Bùi Văn T cấp dưỡng trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không bị mất năng lực hành vi dân sự. Anh Bùi Văn T có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Do chị Bùi Thị H không yêu cầu giải quyết và việc anh Bùi Văn T vắng mặt nên Tòa án không lấy được ý kiến của anh T nên không có cơ sở xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

[6] Về nợ chung của vợ chồng: Xác định không có.

[7] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H về việc xin ly hôn; cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T có 02 con chung là cháu Bùi Thị Diệu L, sinh ngày 09/11/2004 và cháu Bùi Tuấn D, sinh ngày 09/5/2008. Cháu Bùi Thị Diệu L đã trên 18 tuổi và không mất năng lực hành vi dân sự nên không thuộc đối tượng phải nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, giao con chung là Bùi Tuấn D cho chị Bùi Thị

H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi Văn T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Bùi Thị H chưa có yêu cầu. Anh Bùi Văn T có quyền thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Anh Bùi Văn T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Bùi Thị H.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Nợ chung của vợ chồng: Xác nhận không có.

5. Án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002208 ngày 15/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; chị Bùi Thị H đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn